MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 3 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.
2. Địa chỉ: Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 15.000 m^3/ngày đêm.

Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 26 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Thạnh Phú – KP. Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Nhà dân - ấp Bình Chánh, xã Tân An.	Nhà dân – khu phố Tân Phú, phường Tân Triều.	Nhà dân – khu phố Thạnh Phú, phường Tân Triều.	Nhà dân – tổ 33, khu phố 3, phường Trảng Dài	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.72	0.66	0.30	0.45	0.64	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.51	0.44	0.69	0.33	0.43	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.11	1.96	1.33	0.81	0.81	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.92	6.97	7.06	7.07	6.88	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.51	0.64	0.90	0.71	0.51	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 27 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 3 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Trạm Long Bình: 36.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …
- Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
- Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 26 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Long Bình - Tổ 8, KP22, phường Long Bình.	Nhà dân – Đường Huỳnh Dân Sanh, phường Long Bình.	Tăng áp Thiện Tân 2 - Đường Điểu Xiển, phường Long Bình.	UBND phường Hố Nai (cơ sở 1) – Số 386 QL1A, phường Hố Nai.	Trạm y tế Tân Biên – Đường QL1A, KP5, phường Long Bình.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.69	0.26	0.79	0.45	0.33	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	1.24	0.35	0.26	0.80	0.82	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.70	1.04	0.67	1.78	1.92	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.10	6.96	7.07	7.10	6.92	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.77	0.71	0.51	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 27 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 3 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Biên Hoà.
2. Địa chỉ: Số 48 đường Cách mạng tháng 8, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 36.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 26 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 8 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Biên Hòa – Số 48, CMT8, phường Trấn Biên.	Trạm xăng dầu quốc dân 3 – Đường Nguyễn Du, phường Trấn Biên.	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trấn Biên.	Công an phường Trấn Biên – đường 30/4, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.81	0.26	0.46	0.31	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.39	0.31	0.43	0.37	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.04	1.11	1.26	0.89	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.89	7.26	6.90	6.87	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.51	0.64	0.77	0.58	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Nhà dân – Số 56 Trần Công An, phường Trấn Biên.	Khách hàng Trần Thị Thanh Tâm – Số 77/35 đường Phan Đình Phùng, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Đường Đặng Văn Trơn, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 44/3, KP4, đường Võ Thị Sáu, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.32	0.61	0.51	0.53	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.24	0.41	0.36	0.26	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.89	1.18	0.96	0.89	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.23	6.93	7.12	7.11	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.51	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.64	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 27 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 3 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
2. Địa chỉ: Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 305.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 26 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 24 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Thiện Tân – Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình.	Công an phường Long Bình – Khu phố 6A, phường Long Bình.	Nhà dân – Hẻm 528 QL1A, phường Tam Hiệp (gần bệnh viện Nhi Đồng Nai).	Nhà dân – Số 23 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Hưng – Đường Nguyễn Văn Tỏ, KP. Thái Hoà, phường Long Hưng.	Trung tâm y tế khu vực Biên Hòa – Số 98/487 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.84	0.47	0.56	0.77	0.30	0.50	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.24	0.83	0.22	0.31	0.28	0.30	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.81	1.63	0.74	1.04	0.67	0.96	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.93	7.06	6.98	7.03	6.98	7.07	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.64	0.71	0.90	0.71	0.64	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trấn Biên.	Đồng hồ D300, đường số 6, KCN Giang Điền, phường Trảng Bom.	Đồng hồ D300, KCN Bàu Xéo, phường Trảng Bom.	Nhà dân – Số 161/G, đường 3/2, phường Trảng Bom.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch - Số 327, tổ 2, KP21, phường Long Bình.	Nhà dân – Đường B5, KDC Phú Thịnh, tổ 25, KP3, phường Long Hưng.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.33	0.47	0.36	0.23	0.62	0.59	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.33	0.28	0.17	0.32	0.19	0.28	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.96	0.96	0.37	0.89	0.81	0.74	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.91	7.03	7.14	6.99	6.89	6.85	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.96	0.90	0.96	0.84	0.84	0.71	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa II, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 148 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài.	UBND phường Long Bình – Đường Đặng Nguyên, phường Long Bình.	Nhà dân – Đường Vũ Hồng Phô, phường Tam Hiệp.	Trung tâm phục vụ hành chính công phường Long Bình – Số 68 đường Thân Nhân Trung, phường Long Bình.	Ban chỉ huy quân sự phường Tam Hiệp – Số 501 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.64	0.51	0.48	0.68	0.49	0.49	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.24	0.27	0.24	0.30	0.23	0.21	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.59	0.81	0.96	0.89	0.81	0.74	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.88	7.19	7.17	7.12	7.16	7.20	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.77	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.71	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.71	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Tân Triều – Đường Hồ Hòa, phường Tân Triều.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Đường Mạc Đỉnh Chi, phường Trấn Biên.	Đầu vào KCN Hố Nai – Phường Hố Nai.	Đồng hồ điện từ D500, KCN Amata, phường Long Bình.	Trụ cứu hỏa số 1, KCN Loteco, phường Long Bình.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.34	0.59	0.57	0.51	0.63	0.57	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.30	0.29	0.52	0.25	0.25	0.18	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.89	0.81	0.74	0.67	0.67	0.59	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.03	7.07	7.03	6.97	7.03	6.96	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.51	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.58	0.58	0.51	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 27 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm